

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị kế toán : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO  
Mã số thuế : 0302095576  
Giấy ĐKKD : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM  
Địa chỉ : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 028 37503042 Fax: 082 37502825

### Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.723.469.449</b>	<b>48.654.098.492</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		55.832.757.974	38.142.736.788
1. Tiền	111	V.01	6.014.822.356	3.934.600.108
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01	49.817.935.618	34.208.136.680
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	30.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.798.495.635	10.412.012.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7.550.098.293	8.535.915.293
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.171.103.979	857.459.391
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.077.293.363	1.018.638.062
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	92.215.840	99.348.958
1. Hàng tồn kho	141		92.215.840	99.348.958
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.399.601.647.479</b>	<b>1.461.232.677.666</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.570.048	9.570.048
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	9.570.048	9.570.048
II. Tài sản cố định	220		1.201.048.767.319	1.273.623.581.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.201.048.767.319	1.273.623.581.729
- Nguyên giá	222		2.556.794.978.281	2.556.794.978.281
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.355.746.210.962)	(1.283.171.396.552)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(915.724.800)	(915.724.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		177.891.770.228	166.947.986.005
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	177.891.770.228	166.947.986.005
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.651.539.884	20.651.539.884
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	20.651.539.884	20.651.539.884
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.495.325.116.928</b>	<b>1.509.886.776.158</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HC)  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
1	2	3	4	4
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.027.203.313.599</b>	<b>1.063.175.016.609</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.115.914.615</b>	<b>189.087.617.625</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.584.698.278	6.145.067.059
2. Người mua trả tiền trước	312		16.804.000	5.386.000
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.081.441.245	16.073.997.999
4. Phải trả người lao động	314		1.785.370.756	1.688.051.307
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	255.434.000	255.434.000
7. Phải trả nội bộ (Ngắn hạn)	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.553.178.418	26.707.158.805
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	115.853.985.323	135.805.985.323
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.785.597.400	1.785.597.400
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.199.405.195	620.939.732
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>889.087.398.984</b>	<b>874.087.398.984</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	335	V.19	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	597.180.216.383	627.180.216.383
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	291.907.182.601	246.907.182.601
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>468.121.803.329</b>	<b>446.711.759.549</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>468.121.803.329</b>	<b>446.711.759.549</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.043.345.130	32.633.301.350
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.015.475.887	2.300.319.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.027.869.243	30.332.982.097
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.495.325.116.928</b>	<b>1.509.886.776.158</b>

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý III năm 2023**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.25	110.606.186.234	106.901.168.827	326.941.786.205	311.621.957.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		110.606.186.234	106.901.168.827	326.941.786.205	311.621.957.816
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.26	62.692.394.432	60.680.899.011	181.546.291.846	168.941.143.797
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		47.913.791.802	46.220.269.816	145.395.494.359	142.680.814.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.27	326.563.962	223.992.728	1.237.005.207	436.722.248
7. Chi phí tài chính	22	V1.28	19.657.249.045	18.828.332.345	59.867.576.255	58.970.162.581
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.657.249.045	18.828.332.345	59.867.576.255	58.970.162.581
8. Chi phí bán hàng	24		9.538.901.864	9.338.747.509	28.813.068.043	27.648.984.915
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.057.155.986	1.178.416.462	4.039.835.833	5.036.436.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		17.987.048.869	17.098.766.228	53.912.019.435	51.461.951.891
11. Thu nhập khác	31		19.656.667	154.050.221	92.733.483	234.773.256
12. Chi phí khác	32		-	6.000.000	116.811.532	13.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.656.667	148.050.221	(24.078.049)	221.773.256
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.006.705.536	17.246.816.449	53.887.941.386	51.683.725.147
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.29	3.601.341.107	3.449.363.290	10.860.072.143	10.336.745.030
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		14.405.364.429	13.797.453.159	43.027.869.243	41.346.980.117
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		577	553	1.725	1.657

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Vũ





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		358.495.762.000	339.910.583.260
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(63.897.032.076)	(56.009.327.051)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.091.384.474)	(29.895.158.767)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(55.756.546.719)	(58.970.162.581)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(21.831.899.375)	(8.397.654.218)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		566.793.947	953.989.556
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.475.571.785)	(34.396.927.280)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>153.010.121.518</b>	<b>153.195.342.919</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.509.411.369)	(10.699.763.856)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	106.308.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.237.005.207	436.722.248
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.272.406.162)</b>	<b>(10.156.733.608)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(49.952.000.000)	(93.925.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.095.694.170)	(44.536.313.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(95.047.694.170)</b>	<b>(138.461.313.220)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>17.690.021.186</b>	<b>4.577.296.091</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>38.142.736.788</b>	<b>19.958.216.031</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>55.832.757.974</b>	<b>24.535.512.122</b>

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Giám đốc

Lê Quốc Đạt

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý III năm 2023**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000.000 đồng

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/09/2023**

Tổng Công ty IDICO - CTCP

57,5%

Các cổ đông khác

42,5%

#### **2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 07/8/2020 (thay đổi lần 6) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;

Kinh doanh bất động sản;

Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);

Xây dựng nhà các loại;

Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ Dự án BOT Cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý III năm 2023**

(Tiếp theo)

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

#### **1 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/07/2023 đến 30/09/2023

#### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính hướng dẫn theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính kể từ năm tài chính 2015, Số dư đầu kỳ được điều chỉnh phù hợp với thông tư này

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

#### **3 Hình thức kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

#### **1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh toán cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

#### **2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

### 3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

### 4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	5-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính và theo các phụ lục hợp đồng BOT của dự án

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý doanh nghiệp, Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

#### Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **Quý III năm 2023**

*(Tiếp theo)*

**6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác..

**7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Dự phòng phải trả các chi phí trung tu và đại tu dự án được ghi nhận dựa theo mức tạm tính tại Hợp đồng BOT và ước tính của Ban điều hành Công ty.

**8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:**

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ. Từ năm 2020 áp dụng mức thuế suất thông thường

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

### 12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### 13 Các bên liên quan:

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1	Tiền và Các khoản tương đương tiền	30/09/2023	01/01/2023
	Tiền mặt	1.044.407.926	1.256.095.607
	Tiền gửi ngân hàng	4.970.414.430	2.678.504.501
	Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	49.817.935.618	34.208.136.680
	Cộng	<u>55.832.757.974</u>	<u>38.142.736.788</u>
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/09/2023	01/01/2023
	Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng tại EXIMBANK )	30.000.000.000	-
	Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2023	01/01/2023
	Tạm ứng	461.231.531	289.558.580
	Ký quỹ ký cược	149.766.008	149.766.008
	Phải thu khác	466.295.824	579.313.474
	Cộng	<u>1.077.293.363</u>	<u>1.018.638.062</u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

4	Hàng tồn kho	30/09/2023	01/01/2023
	Nguyên liệu, vật liệu	49.812.340	66.297.958
	Công cụ, dụng cụ	42.403.500	33.051.000
	Chi phí sản xuất dở dang	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>92.215.840</b>	<b>99.348.958</b>

(\*) *Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:*

Thi công hạ tầng khu dân cư tại Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh.  
 Thi công Cầu Mương Lớn II và Cầu Rạch Rộ II  
 Thi công hạ tầng dự án KDC mở rộng Phường 6, Tân An, Long An

5	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30/09/2023	01/01/2023
	Thuế xuất nhập khẩu được miễn	-	-
	Thuế khác	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2023	2.525.067.059.360	17.951.281.124	11.017.119.998	2.759.517.799	2.556.794.978.281
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
-ĐT XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/09/2023</b>	<b>2.525.067.059.360</b>	<b>17.951.281.124</b>	<b>11.017.119.998</b>	<b>2.759.517.799</b>	<b>2.556.794.978.281</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2023	1.260.575.914.614	12.017.620.636	8.764.047.050	1.813.814.252	1.283.171.396.552
- Khấu hao trong kỳ	71.117.039.101	720.517.833	545.888.961	191.368.515	72.574.814.410
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT 45/2013	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/09/2023</b>	<b>1.331.692.953.715</b>	<b>12.738.138.469</b>	<b>9.309.936.011</b>	<b>2.005.182.767</b>	<b>1.355.746.210.962</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2023	1.264.491.144.746	5.933.660.488	2.253.072.948	945.703.547	1.273.623.581.729
<b>Số dư 30/09/2023</b>	<b>1.193.374.105.645</b>	<b>5.213.142.655</b>	<b>1.707.183.987</b>	<b>754.335.032</b>	<b>1.201.048.767.319</b>

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

798.003.591.332



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

**10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2023	-	-	-	915.724.800	915.724.800
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
-ĐT XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/09/2023</b>	-	-	-	915.724.800	915.724.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2023	-	-	-	915.724.800	915.724.800
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/09/2023</b>	-	-	-	915.724.800	915.724.800
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/01/2023	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2023	-	-	-	-	-

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2023	01/01/2023
Công trình Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Hương Lộ 2	-	-
Công trình Đầu tư bổ sung nút giao QL1A/Lê Trọng Tấn-Nguyễn Thị Tú	-	-
Công trình Cầu Tân Kỳ Tân Quý	166.465.858.470	158.378.916.254
Công trình Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC)	11.025.301.786	8.569.069.751
Các dự án khác	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	400.609.972	-
<b>Cộng</b>	<b>177.891.770.228</b>	<b>166.947.986.005</b>

14 Chi phí trả trước dài hạn	30/09/2023	01/01/2023
Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)	-	-
Phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ điều chỉnh giảm theo Thông tư 45/2013	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

15 Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2023	01/01/2023
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
HỆTD Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A	-	-
HỆTD Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2	-	8.952.000.000
HỆTD Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao Gò Mây	30.000.000.000	40.000.000.000
HỆTD Vay dài hạn DA Đầu tư Cầu Tân Kỳ Tân Quý	85.853.985.323	86.853.985.323
<b>Cộng</b>	<b>115.853.985.323</b>	<b>135.805.985.323</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

	30/09/2023	01/01/2023
<b>16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT	2.522.108.445	1.193.217.748
Thuế TNDN	3.541.119.547	14.573.168.339
Thuế TNCN	18.213.253	307.611.912
<b>Cộng</b>	<b>6.081.441.245</b>	<b>16.073.997.999</b>
<b>17 Dự phòng phải trả</b>		
Trích trước chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các dự án (ngắn hạn, dự kiến thực hiện trong năm 2023)	1.785.597.400	1.785.597.400
Trích trước chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn các dự án (dài hạn)	291.907.182.601	246.907.182.601
<b>Cộng</b>	<b>293.692.780.001</b>	<b>248.692.780.001</b>
<b>18 Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Bảo hiểm xã hội	1.955.146	
Phải trả các đội thi công của Công ty	-	63.627.724
Cổ tức	804.246.130	25.940.580.300
Nhận ký quỹ ký cược	627.515.700	627.515.700
Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	5.121.416.588	75.435.081
<b>Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn</b>	<b>6.553.178.418</b>	<b>26.707.158.805</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>		
Vay dài hạn DA Đầu tư bổ sung một số HM giao thông trên tuyến QL1A	-	-
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao QL1/Hương lộ 2 (HỆTD số 1801-LAV-201402329 ngày 23/09/2014 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 12,0%/năm)	225.498.797.625	225.498.797.625
Vay dài hạn DA Đầu tư Nút giao Gò Mây (HỆTD số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 509.856.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 11,3%/năm)	371.681.418.758	401.681.418.758
Vay dài hạn DA Đầu tư Cầu Tân Kỳ Tân Quý (HỆTD số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 ký kết với EXIMBANK-CN Đồng Nai; Số tiền theo hợp đồng 350.460.000.000 đồng, lãi suất đang áp dụng là 12,0%/năm)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>597.180.216.383</b>	<b>627.180.216.383</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

22 **Vốn chủ sở hữu**

a- **Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý dự phòng tài chính	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2022	249.492.000.000	-	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926
Tăng trong kỳ	-	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Lãi	-	-	-	55.282.182.097	55.282.182.097
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	70.943.334.474	70.943.334.474
Chia cổ tức	-	-	-	69.857.760.000	69.857.760.000
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	1.085.574.474	1.085.574.474
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>32.633.301.350</b>	<b>446.711.759.549</b>
Số dư 01/01/2023	249.492.000.000	-	164.586.458.199	32.633.301.350	446.711.759.549
Tăng trong kỳ	-	-	-	43.027.869.243	43.027.869.243
Lãi	-	-	-	43.027.869.243	43.027.869.243
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	21.617.825.463	21.617.825.463
Chia cổ tức	-	-	-	19.959.360.000	19.959.360.000
Chuyển theo TT200	-	-	-	-	-
PP lợi nhuận	-	-	-	1.658.465.463	1.658.465.463
<b>Số dư 30/09/2023</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>-</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>54.043.345.130</b>	<b>468.121.803.329</b>

b. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/09/2023	01/01/2023
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

c. **Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	30/09/2023	01/01/2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>24.949.200.000</b>	<b>44.908.560.000</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

(Tiếp theo)

	30/09/2023	01/01/2023
<b>d. Cổ tức</b>		
Công ty đã thực hiện chi trả 8% cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền vào ngày 22/6/2023 theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 05/06/2023.		
<b>e. Cổ phiếu</b>	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>f. Các quỹ của DN</b>	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>164.586.458.199</b>

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
<b>25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	110.573.186.234	106.901.168.827
Doanh thu cho thuê Văn phòng	33.000.000	-
Doanh thu xây lắp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>110.606.186.234</b>	<b>106.901.168.827</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	110.573.186.234	106.901.168.827
Doanh thu cho thuê Văn phòng	33.000.000	-
Doanh thu xây lắp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>110.606.186.234</b>	<b>106.901.168.827</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

*(Tiếp theo)*

26	Giá vốn hàng bán	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
	Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	62.692.394.432	60.680.899.011
	Giá vốn xây lắp	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>62.692.394.432</b>	<b>60.680.899.011</b>
27	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	326.563.962	223.992.728
	Doanh thu hoạt động tài chính chuyển nhượng vốn dự án KDC Phường 6, Tân An, Long An	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>326.563.962</b>	<b>223.992.728</b>
28	Chi phí tài chính	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
	Chi phí lãi vay	19.657.249.045	18.828.332.345
	<b>Cộng</b>	<b>19.657.249.045</b>	<b>18.828.332.345</b>
29	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	3.601.341.107	3.449.363.290
	Chi phí Thuế TNDN hoãn lại ( Của khoản dự phòng trích trước)	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>3.601.341.107</b>	<b>3,449,363,290</b>
30	Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.798.604.406	13.797.453.159
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	14.798.604.406	13.994.318.103
	Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	593	561
31	Báo cáo bộ phận		

*Trong kỳ, hoạt động thu phí sử dụng đường bộ là hoạt động chủ đạo với doanh thu chiếm 99,97% doanh thu của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chỉ trong địa phận Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo theo bộ phận.*

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### Quý III năm 2023

*(Tiếp theo)*

32 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 3 năm 2023	Quý 3 năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.991.638.216	1.430.492.335
Chi phí nhân công	11.487.258.814	11.561.616.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.538.059.480	23.073.149.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.241.810.202	18.009.638.794
Chi phí khác bằng tiền	27.029.685.570	17.123.165.816
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.288.452.282</b>	<b>71.198.062.982</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Thông tin về các bên liên quan****a Danh sách bên liên quan**

Stt Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1 Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu		
2 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8 Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11 Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công		
12 nghiệp Quê Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13 Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14 Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15 Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16 Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	
17 Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	
18 Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	
19 Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	
20 Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên ĐL HĐQT	
21 Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS	
22 Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	
23 Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	
24 Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	
25 Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	
26 Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	
27 Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
28 Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	

**b. Giao dịch mua bán chủ yếu các bên liên quan**



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -  
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2023

*(Tiếp theo)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	9 tháng đầu năm 2023	9 tháng đầu năm 2022
Giao dịch mua		950.653.261	406.321.230
IDICO - INCON	Giám sát thi công	950.653.261	406.321.230
Cổ tức đã chia		11.476.632.000	25.822.422.000
1 Tổng công ty IDICO - CTCP		11.476.632.000	25.822.422.000
<b>c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan</b>		<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Phải thu khác		50.000.000	-
1 IDICO - LINCO		50.000.000	-
Phải trả cho người bán		-	207.537.255
1 IDICO - INCON			207.537.255
Trả trước cho người bán		22.124.086	-
1 IDICO - INCON		22.124.086	-

**2 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022, BCTC quý 3 năm 2022

**3 Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

**4 Những thông tin khác**

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

